

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2020
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyện**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thùy My** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 525/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 683/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Cao Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 225A/6, đường A, khu vực B, phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Ông **Võ D**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 225A/6, đường A, khu vực B, phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Võ D chung sống với nhau từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ngày 31/12/2010. Chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01

năm thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D có người phụ nữ khác bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Mặc dù cả hai đã nhiều lần bỏ qua mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, hiện tại tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ D.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Ngọc K (nữ), sinh ngày 24/10/2011 và Võ Duy M (nam) sinh ngày 06/12/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/10/2020 bị đơn ông Võ D trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Cao Thị T về quan hệ hôn nhân. Vợ chồng ông chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ngày 31/12/2010. Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị T.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Ngọc K (nữ), sinh ngày 24/10/2011 và Võ Duy M (nam) sinh ngày 06/12/2014. Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không hòa giải được do nguyên đơn bà Cao Thị T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, yêu cầu nuôi con chung nên xác định đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con và bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền

giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – ông Võ D hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Bà Cao Thị T và ông Võ D kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tình nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do ông Võ D có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài và không chăm lo cho gia đình nên từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. Vì vậy bà yêu cầu xin ly hôn với ông Võ D.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông D thật sự trầm trọng, sau khi xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình đã nhiều lần động viên hòa giải nhưng không thành. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng không quan tâm thăm hỏi lẫn nhau, cũng không tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên kéo dài quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Mặt khác, khi Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng thì bà T không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án mà không cần tiến hành thủ tục hòa giải. Do đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà thực sự trầm trọng không thể hàn gắn. Tại bản tự khai ngày 14/10/2020 ông Võ D cũng đồng ý ly hôn do hiện tại ông cũng không còn tình cảm với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung là Võ Ngọc K (nữ), sinh ngày 24/10/2011 và Võ Duy M (nam) sinh ngày 06/12/2014 và không yêu cầu ông Võ D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do hiện tại ông Võ D đang chấp hành án nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc và theo ý kiến trình bày trong Bản tự khai ngày 14/10/2020 ông cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng. Ngoài ra tại Biên bản lấy lời khai của cháu K ngày 09/10/2020 cháu Ngân có nguyện vọng được chung sống với bà T sau khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ D theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T và ông D đều xác định không có. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Căn cứ tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Cao Thị T được ly hôn với ông Võ D.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là Võ Ngọc K (nữ), sinh ngày 24/10/2011 và Võ Duy M (nam) sinh ngày 06/12/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, ông Võ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ D theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp, theo biên lai thu số 003021 ngày 04/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự, quận Ninh Kiều thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà T đã nộp xong án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ninh Kiều;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Lai Ngọc Trí